

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát,  
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02  
năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử  
dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra,  
xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức  
chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy  
phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 84/BC-HĐND*

ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về mức chi cụ thể đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là văn bản) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các nội dung có liên quan đến mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định, yêu cầu, kế hoạch;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

### **Điều 2. Mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

1. Mức chi cho thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

a) Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi;

b) Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

#### 2. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia:

a) Văn bản của tỉnh: 1.500.000 đồng/01 văn bản được xin ý kiến;

b) Văn bản của cấp huyện: 1.000.000 đồng/01 văn bản được xin ý kiến;

c) Văn bản của cấp xã: 500.000 đồng/01 văn bản được xin ý kiến.

3. Mức chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống hóa văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gồm:

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh: 6.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập: 3.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo của các phòng, ban cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập: 1.500.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp: 400.000 đồng/báo cáo.

4. Mức chi chỉnh lý các dự thảo báo cáo tại điểm a khoản 3 Điều này:

a) Chỉnh lý báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh: 700.000 đồng/lần chỉnh lý.

b) Chỉnh lý báo cáo của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập: 400.000 đồng/lần chỉnh lý.

c) Chỉnh lý báo cáo của các phòng, ban cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập: 200.000 đồng/lần chỉnh lý.

5. Mức chi kiểm tra văn bản theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

a) Đối với trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật:

- Ở tỉnh kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện: 250.000 đồng/văn bản;

- Cấp huyện kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.

b) Đối với trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật:

- Ở tỉnh kiểm tra theo thẩm quyền với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện: 500.000 đồng/văn bản;

- Cấp huyện kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

6. Mức chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh: 200.000 đồng/văn bản.

b) Đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện: 150.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

7. Mức chi thù lao cho cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

a) Thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản:

- Mức chi chung: 250.000 đồng/văn bản;

- Đối với văn bản phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực: 500.000 đồng/văn bản.

b) Thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản: 250.000 đồng/văn bản.

8. Mức chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: 150.000 đồng/văn bản.

9. Mức chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

a) Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ

sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

- Ở tỉnh: 150.000 đồng/văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn;
- Cấp huyện: 100.000 đồng/văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn;
- Cấp xã: 80.000 đồng/văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

b) Chi tổ chức thu thập thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp.

c) Chi phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn: 70.000 đồng/tài liệu. Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo.

10. Mức chi đối với hoạt động tự kiểm tra văn bản quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra văn bản, rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát được thực hiện theo quy định tại Điều này.

### **Điều 3. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Kinh phí phục vụ hoạt động tự kiểm tra văn bản và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**